

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục
tỉnh Thanh Hóa năm học 2025-2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1197/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục tỉnh Thanh Hóa năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non

- Số cơ sở giáo dục: 678 trường, trong đó: 629 trường công lập, 49 trường tư thục; 326 điểm trường và 374 cơ sở mầm non độc lập tư thục.

- Quy mô số nhóm/lớp, số trẻ: 8.791 nhóm/lớp, với 210.907 trẻ, trong đó: Công lập 7.108 nhóm/lớp, với 180.672 trẻ; tư thục 1.683 nhóm/lớp, với 30.235 trẻ, chi tiết:

+ Đối với nhà trẻ: 2.106 nhóm, với 39.119 trẻ, trong đó: Công lập 1.535 nhóm, với 29.955 trẻ; tư thục 571 nhóm, với 9.164 trẻ; **huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt tỷ lệ 32,74%.**

+ Đối với mẫu giáo: 6.685 lớp, với 171.788 trẻ, trong đó: Công lập 5.573 lớp, với 150.717 trẻ; tư thục 1.112 lớp, với 21.071 trẻ; **huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đạt tỷ lệ 90.73%.**

2. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục phổ thông

a) Tiểu học

- Số trường: 588 trường, trong đó: 584 trường công lập, 04 trường tư thục; 288 điểm trường.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 1): 11.131 lớp, với 348.793 học sinh, trong đó: Công lập 10.918 lớp, với 343.796 học sinh; tư thục 213 lớp, với 4.997 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 1: 2.262 lớp, với 68.689 học sinh, trong đó: Công lập 2.213 lớp, với 67.835 học sinh; tư thục 49 lớp, với 1.304 học sinh.

b) Trung học cơ sở

- Số trường: 607 trường, trong đó: 604 trường công lập, 03 trường tư thục; 26 điểm trường, chi tiết:

+ Trường trung học cơ sở: 533 trường công lập, trong đó: 11 trường phổ thông dân tộc nội trú, 10 trường phổ thông dân tộc bán trú.

+ Trường tiểu học và trung học cơ sở: 74 trường, trong đó: 71 trường công lập, 03 trường tư thục.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 6): 7.117 lớp, với 277.909 học sinh, trong đó: Công lập 7.016 lớp, với 275.104 học sinh, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú 85 lớp, với 2.574 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú 107 lớp, với 3.943 học sinh; tư thục 101 lớp, với 2.805 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 6: 1.824 lớp, với 70.571 học sinh, trong đó: Công lập 1.796 lớp, với 69.753 học sinh, bao gồm: Trường phổ thông dân tộc nội trú 22 lớp, với 770 học sinh; trường phổ thông dân tộc bán trú 27 lớp, với 1.019 học sinh; tư thục 28 lớp, với 818 học sinh.

c) Trung học phổ thông

- Số trường: 105 trường, trong đó: 89 trường công lập, 16 trường tư thục, chi tiết:

+ Trường trung học phổ thông: 86 trường, trong đó: 80 trường công lập, bao gồm: 01 trường trung học phổ thông chuyên, 02 trường phổ thông dân tộc nội trú và 06 trường tư thục;

+ Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông: 08 trường công lập;

+ Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông: 11 trường, trong đó: 01 trường công lập (tự chủ) và 10 trường tư thục.

- Quy mô số lớp, số học sinh (cả tuyển sinh vào lớp 10): 2.688 lớp, với 114.498 học sinh, trong đó: Công lập 2.511 lớp, với 107.706 học sinh, bao gồm: Trường trung học phổ thông chuyên 35 lớp, với 1.228 học sinh; 02 trường phổ thông dân tộc nội trú 36 lớp, với 1.200 học sinh; tư thục 163 lớp, với 6.159 học sinh.

Tuyển sinh vào lớp 10: 902 lớp, với 39.164 học sinh, trong đó: Công lập 838 lớp, với 36.656 học sinh, bao gồm: Trường trung học phổ thông chuyên 12 lớp, với 420 học sinh; 02 trường phổ thông dân tộc nội trú 12 lớp, với 420 học sinh; tư thục 64 lớp, với 2.508 học sinh.

3. Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục thường xuyên

- Số trung tâm: 24 trung tâm, trong đó: 23 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp.

- Quy mô số lớp, số học viên: 315 lớp, với 14.083 học viên, trong đó: Tuyển sinh vào lớp 10 Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông 119 lớp, với 5.236 học viên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ chỉ tiêu được phê duyệt tại Kế hoạch này, giao chỉ tiêu cụ thể đến các huyện, thị xã, thành phố; các cơ sở giáo dục trên địa tỉnh đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện chỉ tiêu được giao; điều chỉnh chỉ tiêu về số lớp, số học sinh cho các cơ sở giáo dục mới thành lập hoặc chia tách, sáp nhập thành cơ sở mới, đảm bảo phù hợp tình hình thực tế của mỗi địa phương; kiểm tra, giám sát và hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyển sinh đầu cấp học đảm bảo đúng quy chế, đúng đối tượng và chỉ tiêu được giao;

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các công việc nêu trên; tổng hợp tình hình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các sở: Tài chính, Nội vụ

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra việc thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2025-2026, việc sử dụng ngân sách sự nghiệp giáo dục được phân bổ và việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ chỉ tiêu về số lớp, số học sinh được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ chỉ tiêu cụ thể cho các cơ sở giáo dục đảm bảo đúng quy

định hiện hành của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của mỗi địa phương thuộc phạm vi quản lý.

Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị, trường học thực hiện chỉ tiêu được giao; tổ chức tuyển sinh đầu cấp học đảm bảo đúng quy chế, đúng đối tượng và chỉ tiêu được giao.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện việc sắp xếp cơ sở giáo dục công lập của địa phương theo Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng